

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 01 - 2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Võ Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thâm và ông Trần Quốc Đâu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông: Lê Văn Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh: Bùi Tiến D. Sinh năm: 1984

Nơi cư trú: khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị: Trần Thị S. Sinh năm: 1988

Nơi cư trú: khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (hiện đang bị truy nã)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Tiến D trình bày: Anh và chị Trần Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 07/11/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng. Đỉnh điểm là năm 2021 chị S bị khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sau đó bỏ trốn. Hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N truy nã nhưng chưa bắt được. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Anh đã sử dụng nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả, không biết chị S đi đâu, làm gì. Do thời gian xa nhau đã lâu nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án

nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị S, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Bùi Danh M, sinh ngày: 06/6/2008 và Bùi Danh K, sinh ngày 08/12/2012. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì con do một mình anh trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung Bùi Danh M, sinh ngày: 06/6/2008 và Bùi Danh K, sinh ngày 08/12/2012 đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu chị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị S hiện đang bị truy nã.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng chị S vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do, không có lời trình bày và vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án thực hiện các bước tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 53; 56; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ tình cảm: Cho anh Bùi Tiến D được ly hôn với chị Trần Thị S. Về con chung: Giao cả hai con chung: Bùi Danh M, sinh ngày: 06/6/2008 và Bùi Danh K, sinh ngày 08/12/2012 cho anh Bùi Tiến D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị S do anh D không yêu cầu. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Tiến D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Trần Thị S, sinh năm: 1988, Nơi cư trú: khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. HĐXX xác định đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn anh Bùi Tiến D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị S hiện đang bị truy nã theo quyết định số 16/CSKT, ngày 04/10/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh N, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị S đăng ký hộ khẩu thường trú thì hiện nay vẫn chưa nhận được thông báo về việc chị S đã bị bắt. Vì vậy, cần xác định, người bị truy nã là người bỏ trốn, cố tình giấu địa chỉ. Tòa án căn cứ vào khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS và hướng dẫn tại khoản 3, Điều 5; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để thụ lý giải quyết theo thủ tục chung và căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228 của BLTTDS để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Anh Bùi Tiến D và chị Trần Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 07/11/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị S là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh D, chị S thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh D thì do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng. Đỉnh điểm là năm 2021 chị S bị khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sau đó bỏ trốn. Hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N truy nã nhưng chưa bắt được. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Anh đã sử dụng nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã khuyên giải nhưng anh D vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía chị S đã bỏ trốn vì vi phạm pháp luật, nhưng trách nhiệm gia đình đối với anh D và các con cũng không có vì từ tháng 9/2021 cho đến nay không liên lạc gì với gia đình. Như vậy, có thể khẳng định tình trạng hôn nhân giữa anh D, chị S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh D được ly hôn với chị S như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Bùi Danh M, sinh ngày: 06/6/2008 và Bùi Danh K, sinh ngày 08/12/2012. Anh Dũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu chị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng được nuôi con của anh D là chính đáng không trái pháp luật, thể hiện trách nhiệm của cha đối với con: Cháu Bùi Danh M, sinh ngày: 06/6/2008 và Bùi Danh K, sinh ngày 08/12/2012 hiện còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con do anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần xem xét bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con. Hơn nữa cháu M và cháu K đều đã đủ 7 tuổi và nguyện vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn được ở với bố. Chị S hiện đang bị truy nã và không có ý kiến trình bày về việc nuôi con. Vì vậy, cần giao con chung Bùi Danh M và Bùi Danh K cho anh Bùi Tiến D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành như đề nghị của đại diện Viện

kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho anh D việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Nhưng anh D không yêu cầu chị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc anh D không yêu cầu chị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không buộc chị S phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Tiến D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ tình cảm: Cho anh Bùi Tiến D được ly hôn với chị Trần Thị S.

[2]. Về con chung: Giao con chung: Bùi Danh M, sinh ngày: 06/6/2008 và Bùi Danh K, sinh ngày 08/12/2012 cho anh Bùi Tiến D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị S do anh D không yêu cầu.

Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu chị S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị S.

Anh Dũng cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí: Anh Bùi Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh D đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai số 0005004 ngày 20 tháng 11 năm 2024.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
 - VKSND TP. Vinh;
 - Các đương sự;
 - UBND p. Đông Vĩnh – TP. Vinh;
- (Giấy CNKH số 82 ngày 07/11/2007)*
- Chi cục THADS TP. Vinh;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Anh Sơn